

Số: 166/2020/QĐST-HNGĐ

PT, ngày 06 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 217/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* **Chị Phí Thị H**, sinh năm 1993.

HKTT: Thôn Phù Long 1, xã LX, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã NT, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:* **Anh Nguyễn Duy C**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Phù Long 1, xã LX, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phí Thị H và anh Nguyễn Duy C.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Có hai con chung là cháu Nguyễn Duy M, sinh ngày 23/11/2011 và cháu Nguyễn Duy B, sinh ngày 23/12/2014. Anh C nuôi hai con

chung; chị H cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C mỗi một cháu là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng, kể từ tháng 11/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có.

Về án phí: Chị H tự nguyện chịu cả 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003260 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện PT;
- Ủy ban nhân dân xã LX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Kiều Duy Chính**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:**

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).

